TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HOÀ
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 137/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông M Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.
2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 587/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Chị M, sinh năm: 1982.
Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn***:** Anh T, sinh năm: 1981.
Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Chị M có mặt; Anh T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 24/5/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị M trình bày: Chị M và anh T chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc thường P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp, anh T không lo làm ăn đam mê cờ bạc. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2001 và P, sinh ngày 5 tháng 02 năm 2006. Khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh T: Anh T xác nhận lời trình bày của chị M về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh T và chị M theo chị M trình bày là đúng. Nay chị M xin ly hôn, anh T không đồng ý vì còn thương vợ thương con.

Nếu Tòa án cho ly hôn

Về con chung: Có 02 con chung tên M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2001 và P, sinh ngày 5 tháng 02 năm 2006. Khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1.2] Về tố tụng: Anh T xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị M và anh T chung sống với nhau không hạnh phúc thường P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp và anh T ham mê cờ bạc không lo lắng cho cuộc sống chung của gia đình. Tại phiên tòa, chị M tha thiết xin được ly hôn với anh T. Ngược lại, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn được chị M chấp nhận. Mặt khác, anh T cũng không tham dự phiên tòa thể hiện thiện chí đoàn tụ. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, chị M yêu cầu được xin ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh T thống nhất khai, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên M, sinh ngày 13/8/2001 và P, sinh ngày 5/02/2006 hiện chị M đang nuôi. Nếu Tòa án cho ly hôn, chị M và anh T thống nhất con theo ai thì người đó nuôi không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, các cháu M và P đã

trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với chị M nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 con chung tên M, sinh ngày 13/8/2001 và P, sinh ngày 5/02/2006 cho chị M nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Nếu Tòa án cho ly hôn, chị M và anh T thống nhất khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Nếu Tòa án cho ly hôn, chị M và anh T thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M xin ly hôn với anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị M được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên M, sinh ngày 13/8/2001 và P, sinh ngày 5/02/2006 hiện chị M đang nuôi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị M không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, chị M có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và anh T có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 2965 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, chị M có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã Đ
- Lưu HS

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

M Văn Hiệp